TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 8 năm 2018
"V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về "*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018, Bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2018, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09 tháng 4 năm 2018, Biên bản xác minh ngày 11 tháng 4 năm 2018, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06 tháng 7 năm 2018, Biên bản không tiến hành hòa giải ngày 06 tháng 7 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Võ Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Trong quá trình

chung sống giữa chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, anh T chơi bời, không lo làm ăn, hiện nay anh T và chị H đã sống ly thân nhau được hơn 06 tháng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung: Chị Võ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn Văn T đến làm việc liên quan trong vụ án nhưng anh T cố tình trốn tránh, không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Võ Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn T, yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị: 28, 35, 39, 147, 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thu H giao cháu Nguyễn Thị Hà L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018; hộ chiếu của chị Võ Thị Thu H; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh Nguyễn Thị Hà L; biên bản làm việc; biên bản xác minh; Bản tự khai của chị Võ Thị Thu H; biên bản lấy lời khai của chị Võ Thị Thu H.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009.

Do anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc nên các bên không thống nhất được với nhau các nội dung cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện chị Võ Thị Thu H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện Ia Grai xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai, chị H và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến năm 2016 thì chị H và anh T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên ăn chơi. Thực tế chị H và anh T đã ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hà L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009. Xét thấy cháu L đang còn nhỏ, hiện đang ở với chị H. Chị H có điều kiện đảm bảo khả năng nuôi con nên việc giao cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của cháu L và phù hợp với nguyện vọng của cháu L.

Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Thu H

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hà L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009 cho chị Võ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004711 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Võ Thị Thu H đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Võ Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/8/2018), anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND thị trấn K, G, Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng